

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂY SƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 261/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 27-9-2024
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂY SƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Giang Nam.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đinh Ven.
2. Ông Văn Tám.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ H - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn tham gia phiên tòa: Bà Bùi Kim Châu Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 188/2024/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Hoài T, sinh năm 1992 (Vắng mặt, có đơn).

Địa chỉ: Thôn H, xã G, huyện T1, Bình Định.

- Bị đơn: Anh Bùi Thành H, sinh năm 1985 (Vắng mặt lần 02).

Địa chỉ: Thôn H, xã G, huyện T1, Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện (yêu cầu ly hôn), bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là chị Nguyễn Hoài T trình bày: Chị và anh Bùi Thành H tự nguyện tìm hiểu, yêu T nhau; được hai bên gia đình chấp nhận, tiến hành tổ chức lễ cưới theo phong tục, nhưng không nhớ rõ ngày tháng năm. Có đăng ký kết hôn tại UBND xã G vào ngày 21/11/2013. Sau khi cưới vợ chồng sống hạnh phúc được 05 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do tranh chấp về tài chính nuôi con, mâu thuẫn trong quan hệ vợ chồng. Từ năm 2020 đến nay vợ chồng cắt đứt quan hệ phần ai nấy sống. Nay xét thấy vợ chồng không còn tình cảm yêu thương gì nữa, chị yêu cầu được ly hôn với anh H.

Về con chung: Chị và anh Bùi Thành H có 01 con chung tên Bùi Phước N (nam) sinh ngày 21/12/2014 hiện đang sống cùng với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu

được nhận nuôi dưỡng con chung Bùi Phước N đến trưởng thành, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa giải quyết.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Bùi Thành H trình bày: Anh thống nhất với chị Nguyễn Hoài T trình bày về điều kiện kết hôn, thời gian kết hôn, thời gian chung sống với nhau. Về nguyên nhân mâu thuẫn, theo anh là do kinh tế khó khăn; anh thì làm nông ở quê, do ảnh hưởng Covid nên không có tiền gửi cho chị T nuôi con. Chị T sống với con ở thành phố Hồ Chí Minh; anh vẫn thường xuyên đi vào thăm vợ con. Nay anh nhận thấy vẫn còn tình cảm yêu thương vợ con, chị T yêu cầu ly hôn thì anh không đồng ý.

Về con chung: Anh và chị T có 01 con chung tên Bùi Phước N (nam) sinh ngày 21/12/2014 hiện đang sống cùng với chị T. Nếu phải ly hôn, anh đồng ý giao con chung cho chị T nuôi dưỡng con chung đến trưởng thành. Anh không phải cấp dưỡng nuôi con (do chị T không yêu cầu).

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa giải quyết

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn phát biểu:

Việc tuân thủ pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử từ khi Tòa thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án là có căn cứ, đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71 BLTT Dân sự 2015. Tuy N, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ được quy định tại các Điều 70, 72, 73 BLTT Dân sự 2015.

Về quan điểm giải quyết vụ án: đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 8, 9, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên xử: chị Nguyễn Hoài T được ly hôn anh Bùi Thành H; không chấp nhận việc anh H không đồng ý ly hôn vì không phù hợp với thực tế và quy định pháp luật. Về con chung: Giao con chung tên Bùi Phước N (nam) sinh ngày 21/12/2014 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng đến trưởng thành. Về cấp dưỡng nuôi con: miễn xét (vì các bên không yêu cầu). Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa giải quyết nên miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Hoài T vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; Bị đơn là anh Bùi Thành H vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Căn cứ vào quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Hoài T với anh Bùi Thành H kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G vào ngày 21/11/2013 đúng theo quy định tại các Điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được công nhận hôn nhân hợp pháp.

Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc được 05 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do vợ chồng tính tình không hợp; khó khăn về kinh tế và vợ chồng xảy lại sống xa nhau. Chị T đã cố gắng tiếp tục duy trì hôn nhân nhưng tình hình không tiến triển. Từ đầu năm 2020 đến nay vợ chồng cắt đứt quan hệ phần ai nấy sống. Vợ chồng xa cách đã lâu nhưng hai bên vẫn bỏ mặc tình trạng hôn nhân của mình. Như vậy, chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chị T yêu cầu ly hôn với anh H là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên HĐXX chấp nhận.

Anh H không đưa ra được phương án thuyết phục chị T nên việc anh không đồng ý ly hôn là không có căn cứ để HĐXX chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị T và anh H có 01 con chung tên Bùi Phước N (nam) sinh ngày 21/12/2014 hiện đang sống cùng với chị T. Khi ly hôn chị T yêu cầu được nhận nuôi dưỡng con chung đến trưởng thành. Anh H cũng đồng ý giao con cho chị T nuôi dưỡng.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Đây là sự thỏa thuận tự nguyện của các đương sự, phù hợp với nguyện vọng của con chung (N muốn sống cùng với mẹ); phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; cũng đảm bảo sự phát triển toàn diện về thể chất và tinh thần cho trẻ, nghị nên công nhận.

Về tiền cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên HĐXX không xét.

[4] Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xét.

[5] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Căn cứ Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; áp dụng Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: cần buộc chị Nguyễn Hoài T nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai số 0003732 ngày 08/8/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tây Sơn; chị T đã nộp đủ án phí.

[6] Lời phát biểu của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của HĐXX;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 238; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 8, 9, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình 2014;

Áp dụng Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Hoài T:

- Về hôn nhân: chị Nguyễn Hoài T được ly hôn anh Bùi Thành H.

- Về con chung: Giao con chung tên Bùi Phước N (nam) sinh ngày 21/12/2014 cho chị Nguyễn Hoài T tiếp tục nuôi dưỡng đến trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: không yêu cầu giải quyết nên Tòa không xét.

Bên không trực tiếp nuôi con nhưng vẫn có quyền thăm nom, giúp đỡ con chung, không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên đều có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu nên Tòa không xét.

2/ Về án phí ly hôn sơ thẩm:

Chị Nguyễn Hoài T phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ - tạm ứng án phí đã nộp trước theo biên lai số 0003732 ngày 08/8/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tây Sơn; chị T đã nộp đủ án phí.

3/ Quyền kháng cáo:

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

4/ Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND huyện Tây Sơn;
- Chi cục THA dân sự huyện Tây Sơn;
- UBND xã Tây Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Giang Nam